CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM
CÔNG VĂN ĐẾN Số: 302 ngày 17/11/2026
CHUYỂN
Lãnh đạo CC.....
Phòng.....
.....
Sao.....

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 1607/SC/2026

I. Thông tin về thương nhân tự công bố sản phẩm:

Thương nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN STAVIAN HÓA CHẤT**

Địa chỉ: Lô số 16, đường 206 khu A, KCN Phố Nối A, Xã Như Quỳnh, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: 0221 3 789 888 Fax: 0221 3 789 889 E-mail: info@stavianchem.com

Mã số doanh nghiệp: 0104160054

Số chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Không thuộc đối tượng phải cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP.

II. Thông tin sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: TÚI ĐỰNG THỰC PHẨM PHÂN HỦY SINH HỌC

2. Thành phần: Nhựa phân hủy sinh học PBAT (Polybutylene Adipate Terephthalate), tinh bột

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

- Hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.
- Ngày sản xuất: Xem trên bao bì sản phẩm

4. Chất liệu bao bì và quy cách đóng gói:

- **Bao bì:** Sản phẩm được bao gói bằng màng co PVC. Bao bì đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế.
- **Quy cách đóng gói:**

Kích thước (*)	Quy cách cuộn (*)	Quy cách thùng (*)
18 x 28 (cm)	210 g/cuộn	24 cuộn/ Thùng
20 x 32 (cm)	210 g/cuộn	24 cuộn/ Thùng
25 x 35 (cm)	210 g/cuộn	24 cuộn/ Thùng
20 x 32 (cm)	500 g/cuộn	24 cuộn/ Thùng

(*) Quy cách đóng gói, kích cỡ sản phẩm có thể thay đổi tùy theo nhu cầu thị trường và được ghi rõ trên nhãn sản phẩm.

5. Thông tin cảnh báo

- Sử dụng ở nhiệt độ dưới 60°C. Không sử dụng trong lò vi sóng.
- Không dùng để chứa đựng hoặc bao gói các sản phẩm là chất béo hoặc giàu chất béo

6. Bảo quản

- Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

7. Hướng dẫn sử dụng

+ Mở bao bên ngoài dọc theo miệng hở để lấy túi đựng thực phẩm.

+ Dùng để bảo quản, bao gói các loại thực phẩm (trái cây, thịt, cá, ...).

+ Nên sử dụng trong vòng 6 tháng từ khi mở bao bì.

8. Vận chuyển

- Phương tiện vận chuyển phải đảm bảo khô, sạch, tránh mưa, tránh nắng.
- Khi bốc dỡ, không quăng, đổ đống, tránh rách vỡ.
- Khi giao nhận hàng, hàng phải được đặt trên pallet nhựa, hoặc giá đỡ và không xếp lẫn hàng hóa khác.

9. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Sản xuất và chịu trách nhiệm bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN STAVIAN HÓA CHẤT**

+ Địa chỉ: Lô số 16, đường 206 khu A, KCN Phố Nối A, Xã Như Quỳnh, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Sản xuất độc quyền cho: LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ THƯƠNG MẠI TP. HỒ CHÍ MINH (SAIGON CO-OP)

III. Mẫu nhãn sản phẩm: (Đính kèm trang sau)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Nghị định 37/2026/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa
- QCVN 12-1:2011/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Kết quả	Phương pháp thử
Thử vật liệu					
1	Chì (Pb)	µg/g	100	Không phát hiện	QCVN12-1 : 2011/BYT
2	Cadimi (Cd)	µg/g	100	Không phát hiện	QCVN12-1 : 2011/BYT
Thử thôi nhiễm					
3	Kim loại nặng trong acetic acid 4% sau 30 phút ở 60°C	µg/ml	1	<1	QCVN12-1 : 2011/BYT
4	Lượng KMnO4 sử dụng trong nước sau 30 phút ở 60°C	µg/ml	10	Không phát hiện	QCVN12-1 : 2011/BYT
5	Hàm lượng acid lactic tổng số trong nước sau 30 phút ở 60 °C	µg/ml	30	Không phát hiện	QCVN12-1 : 2011/BYT
6	Hàm lượng cặn khô trong heptan sau 60 phút ở 25°C	µg/ml	30	Không phát hiện	QCVN12-1 : 2011/BYT
7	Hàm lượng cặn khô trong ethanol 20% sau 30 phút ở 60°C	µg/ml	30	23	QCVN12-1 : 2011/BYT
8	Hàm lượng cặn khô trong nước sau 30 phút ở 60 °C	µg/ml	30	10,5	QCVN12-1 : 2011/BYT
9	Hàm lượng cặn khô trong acetic acid 4% sau 30 phút ở 60 °C	µg/ml	30	Không phát hiện	QCVN12-1 : 2011/BYT

- Tiêu chuẩn Nhà sản xuất: Chỉ tiêu ngoại quan

Tem nhãn và thông tin in trên tem nhãn	Rõ ràng, dễ đọc hiểu, không nhăn tem, bẩn tem
Trạng thái	Túi không bị rách hoặc trầy xước, thủng lỗ
Màu sắc	Màu trắng ngà
Mùi	Có mùi đặc trưng, không có mùi lạ, mùi hôi bất thường

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hưng Yên, ngày 26 tháng 10 năm 2026

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

M.S.D.N: 0104160054 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN STAVIAN HÓA CHẤT
TỈNH HƯNG YÊN

GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY

Cao Văn Hách

NHÃN SẢN PHẨM

COOP

Select

Túi Đựng Thực Phẩm Phân Hủy Sinh Học

BIODEGRADABLE PLASTIC FOOD BAGS

Kích thước
20 x 32 (cm)

Khối lượng tịnh: **210 g**
Số lượng: 48 túi / cuộn (± 2 túi)

✓ An toàn thực phẩm
✓ Thân thiện môi trường

Thành phần:
Nhựa phân hủy sinh học PBAT (Polybutylene Adipate Terephthalate), Tinh bột.
Kích thước: 20 x 32 cm (± 5 %).
Hướng dẫn sử dụng:
- Mở bao bên ngoài dọc theo miệng hở để lấy túi đựng thực phẩm.
- Dùng để bảo quản, bao gói các loại thực phẩm (trái cây, thịt, cá, ...).
- Nên sử dụng trong vòng 6 tháng từ khi mở bao bì.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

THÔNG TIN CẢNH BÁO AN TOÀN:
- Sử dụng ở nhiệt độ dưới 60°C.
- Không sử dụng trong lò vi sóng.
- Không dùng đề chứa đựng hoặc bao gói các sản phẩm là chất béo hoặc giàu chất béo.

Sản phẩm được sản xuất độc quyền cho:
LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ THƯƠNG MẠI TP. HỒ CHÍ MINH (SAIGON CO-OP)
Chịu trách nhiệm về hàng hóa và sản xuất tại:
CÔNG TY CỔ PHẦN STAVIAN HÓA CHẤT
Địa chỉ: Lô số 16, Đường 206, Khu A, Khu công nghiệp Phố Nối A, Xã Như Quỳnh, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.
Công bố số: 1807/3C/2026
Xuất xứ: Việt Nam

HSD: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.
NSX: xem trên bao bì sản phẩm.

STAVIAN

Liên hệ khiếu nại: (028) 3920 5733

8 936110 575140



NHÃN SẢN PHẨM

COOP

Select

Túi Đựng Thực Phẩm Phân Hủy Sinh Học

BIODEGRADABLE PLASTIC FOOD BAGS

Kích thước
18 x 28 (cm)

Khối lượng tịnh: **210 g**
Số lượng: 64 túi / cuộn (± 2 túi)

✓ An toàn thực phẩm
✓ Thân thiện môi trường

Thành phần:
Nhựa phân hủy sinh học PBAT (Polybutylene Adipate Terephthalate), Tinh bột.
Kích thước: 18 x 28 cm (± 5 %).
Hướng dẫn sử dụng:
- Mở bao bên ngoài dọc theo miệng hút để lấy túi đựng thực phẩm.
- Dùng để bảo quản, bao gói các loại thực phẩm (trái cây, thịt, cá, ...).
- Nên sử dụng trong vòng 6 tháng từ khi mở bao bì.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

THÔNG TIN CẢNH BÁO AN TOÀN:
- Sử dụng ở nhiệt độ dưới 60°C.
- Không sử dụng trong lò vi sóng.
- Không dùng để chứa đựng hoặc bao gói các sản phẩm là chất béo hoặc giàu chất béo.

STAVIAN

Sản phẩm được sản xuất độc quyền cho:
LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ THƯƠNG MẠI TP. HỒ CHÍ MINH (SAIGON CO-OP)
Chịu trách nhiệm về hàng hóa và sản xuất tại:
CÔNG TY CỔ PHẦN STAVIAN HÓA CHẤT
Địa chỉ: Lô số 16, Đường 206, Khu A, Khu công nghiệp Phố Nối A, Xã Như Quỳnh, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.
Công bố số: 1607/SC/2026
Xuất xứ: Việt Nam

HSD: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.
HSX: xem trên bao bì sản phẩm.

Tổng đài tư vấn khách hàng
(028) 3920 5733

8 936110 575133



NHÃN SẢN PHẨM

COOP

Select

Túi Đựng Thực Phẩm Phân Hủy Sinh Học

BIODEGRADABLE PLASTIC FOOD BAGS

Kích thước
25 x 35 (cm)

Khối lượng tịnh: **210 g**
Số lượng: 35 túi / cuộn (± 2 túi)

Thành phần:
Nhựa phân hủy sinh học PBAT (Polybutylene Adipate Terephthalate), Tinh bột.
Kích thước: 25 x 35 cm (± 5 %).
Hướng dẫn sử dụng:
- Mở bao bì bên ngoài dọc theo miệng hở để lấy túi đựng thực phẩm.
- Dùng để bảo quản, bao gói các loại thực phẩm (trái cây, thịt, cá, ...).
- Nên sử dụng trong vòng 6 tháng từ khi mở bao bì.

Sản phẩm được sản xuất độc quyền cho:
LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ THƯƠNG MẠI TP. HỒ CHÍ MINH (SAIGON CO-OP)
Chịu trách nhiệm về hàng hóa và sản xuất tại:
CÔNG TY CỔ PHẦN STAVIAN HÓA CHẤT
Địa chỉ: Lô số 16, Đường 206, Khu A, Khu công nghiệp Phố Nối A, Xã Như Quỳnh, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.
Công bố số: 1507/SC/2026
Xuất xứ: Việt Nam

HSD: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.
NSX: xem trên bao bì sản phẩm.

✓ An toàn thực phẩm
✓ Thân thiện môi trường

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

THÔNG TIN CẢNH BÁO AN TOÀN:
- Sử dụng ở nhiệt độ dưới 60°C.
- Không sử dụng trong lò vi sóng.
- Không dùng để chứa đựng hoặc bao gói các sản phẩm là chất béo hoặc giàu chất béo.

STAMEUS

Tổng đài chăm sóc khách hàng
(028) 3920 5733

8 936110 575157



NHÃN SẢN PHẨM

COOP

Select

Túi Đựng Thực Phẩm Phân Hủy Sinh Học

BIODEGRADABLE PLASTIC FOOD BAGS

Kích thước
20 x 32 (cm)

Khối lượng tịnh: **500 g**
Số lượng: 142 túi / cuộn (± 2 túi)

Thành phần:
Nhựa phân hủy sinh học PBAT (Polybutylene Adipate Terephthalate), Tinh bột.
Kích thước: 20 x 32 cm (± 5 %).
Hướng dẫn sử dụng:
- Mở bao bên ngoài dọc theo miệng hở để lấy túi đựng thực phẩm.
- Dùng để bảo quản, bao gói các loại thực phẩm (trái cây, thịt, cá, ...)
- Nên sử dụng trong vòng 6 tháng từ khi mở bao bì.

Sản phẩm được sản xuất độc quyền cho:
LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ THƯƠNG MẠI TP. HỒ CHÍ MINH (SAIGON CO-OP)
Chịu trách nhiệm về hàng hóa và sản xuất tại:
CÔNG TY CỔ PHẦN STAVIAN HÓA CHẤT
Địa chỉ: Lô số 16, Đường 206, Khu A, Khu công nghiệp Phố Nối A, Xã Như Quỳnh, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.
Công bố số: 1607/SC/2026
Xuất xứ: Việt Nam

HSD: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.
NSX: xem trên bao bì sản phẩm.

✓ An toàn thực phẩm
✓ Thân thiện môi trường

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

THÔNG TIN CẢNH BÁO AN TOÀN:
- Sử dụng ở nhiệt độ dưới 60°C.
- Không sử dụng trong lò vi sóng.
- Không dùng để chứa đựng hoặc bao gói các sản phẩm là chất béo hoặc giàu chất béo.

STAHAUS

Tổng nghe ý kiến khách hàng
(028) 3920 5733

8 936110 575164



ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
QUATEST 3®
Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - E-mail: info@quatest3.com.vn - Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: ❍ No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam ❍ C5 lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai ward, HCMC, Vietnam ❍ 1196 3/2 street, Binh Thoi ward, HCMC, Vietnam

BẢN SAO

Q326A025954 (HDTN26002374)	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** *TEST REPORT*	24/03/2026 Trang/ *Page:* 1/3

1. Tên mẫu / *Name of sample* : **TÚI ĐỰNG THỰC PHẨM PHÂN HỦY SINH HỌC**
2. Mô tả mẫu / *Description* : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
   Túi nhựa màu trắng/ *White plastic bag* (*)
3. Số lượng mẫu / *Quantity* : 01
4. Ngày nhận mẫu / *Date of receipt* : 13/03/2026
5. Thời gian thử nghiệm / *Testing duration* : 13/03/2026 – 24/03/2026
6. Nơi gửi mẫu / *Customer* : **CÔNG TY CỔ PHẦN STAVIAN HÓA CHẤT**
   Lô số 16, đường 206 khu A, Khu công nghiệp Phố Nối A, Xã Như Quỳnh, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
7. Kết quả thử nghiệm / *Testing result (s)* : Xem trang tiếp theo / *Refer to next page(s)*

KT. GIÁM ĐỐC / ***FOR DIRECTOR***

TL. TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG
PP. HEAD OF CONSUMER PRODUCTS TESTING LAB

Tiêu Trọng Minh Luân

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR

Phan Thành Trung

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 27-08-2026
Số chứng thực: 42626 Quyển số: 01 SCT/BS

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ★ TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3 ★ TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA

S.Đ.K.H.Đ.Đ - C.T.H.D ★ VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN HUỆ ★ P. Ô CHỢ DỪA - T.P HÀ NỘI

CÔNG CHỨNG VIÊN
Trần Thị Huyền

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu đã thử nghiệm / *Test results are valid for the tested samples only*
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu / *Name of sample and customer are written as customer's request*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, ứng với 95 % độ tin cậy / *The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level*
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3 / *This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3*
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ thư/e quatest3.com.vn để biết thêm thông tin / *Please contact QUATEST 3 at the email address thư/e quatest3.com.vn for further information about test report*

Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - E-mail: ...@quatest3.com.vn - Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam; C5 lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai ward, HCMC, Vietnam; 1663, Binh Thoi ward, HCMC, Vietnam

Q326A025954
(HDTN26002374)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Giới hạn phát hiện *Limit detection*	Kết quả thử nghiệm *Test result*	Mức yêu cầu *Requirement* (+)
7.1 Định tính vật liệu bằng phương pháp phổ hồng ngoại (mặt tiếp xúc với thực phẩm)/ *Qualitative analysis of material by infrared spectroscopy method (contact with foodstuff)*	-	ASTM E 1252 – 98 (2021)	-	Poly butylene adipate tere-phthalate (+)	-
THỬ VẬT LIỆU/ *MATERIAL TEST*					
7.2 Hàm lượng chì/ *Lead content*	µg/g	QCVN 12-1 : 2011/BYT	5,0	KPH/ND	≤ 100
7.3 Hàm lượng cadmi/ *Cadmium content*	µg/g	QCVN 12-1 : 2011/BYT	5,0	KPH/ND	≤ 100
THỬ NGÂM THÔI NHIỄM/ *ELUTION TEST*					
7.4 Kim loại nặng (quy ra chì) trong acetic acid 4 % (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ *Heavy metals in 4 % acetic acid (v/v) after 30 min at 60 °C*	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	-	< 1	≤ 1
7.5 Lượng $KMnO_4$ sử dụng trong nước sau 30 phút ở 60 °C/ *$KMnO_4$ consumption in water after 30 min at 60 °C*	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	1,0	KPH/ND	≤ 10
7.6 Hàm lượng acid lactic tổng số trong nước sau 30 phút ở 60 °C/ *Total of acid lactic in water after 30 min at 60 °C*	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	5,0	KPH/ND	≤ 30
7.7 Hàm lượng cặn khô / *Evaporation residue*		QCVN 12-1 : 2011/BYT			
▫ Trong heptan sau 60 phút ở 25 °C/ *In heptan after 60 min at 25 °C*	µg/mL		5,0	KPH/ND	≤ 30
• Trong ethanol 20 % (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ *In 20 % ethanol (v/v) after 30 min at 60 °C*	µg/mL		5,0	23,0	≤ 30
• Trong nước sau 30 phút ở 60 °C/ *In water after 30 min at 60 °C*	µg/mL		5,0	10,5	≤ 30
• Trong acetic acid 4 % (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ *In 4 % acetic acid (v/v) after 30 min at 60 °C*	µg/mL		5,0	KPH/ND	≤ 30

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the name(s) submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu *"Name of sample(s) and customer are written as customer's request."*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố cỡ tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email address dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - E-mail: info@quatest3.com.vn - Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: ❍ No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam ❍ C5 lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai ward, HCMC, Vietnam ❍ 49 Pasteur street, Binh Thoi ward, HCMC, Vietnam

Q326A025954
(HDTN26002374)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

24/03/2026

Ghi chú/ *Note:* Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến/ *Test results are valid for the namely submitted sample only.*

(+) - Theo yêu cầu kỹ thuật của QCVN 12-1 : 2011/BYT "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm"./ *According to Technical specification of QCVN 12-1 : 2011/BYT "National technical regulation on safety and hygiene for synthetic resin implement, container and packaging in direct contact with foods".*

(◇) Thành phần khác/ *Other components* : có thể có chứa Poly lactic acid do tín hiệu phổ yếu, silicate, amide compound

KPH/ND : Không phát hiện/ *Not detected*

(*) Hình ảnh mẫu không thể hiện trên phiếu kết quả theo yêu cầu của khách hàng/ *The sample images are not shown in the test report as requested by the customer.*

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu đã khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ thư email quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QA_TEST3 at the email address above quatest3.com.vn for further information about test report.